

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trường liên cấp Hưng Phát tại thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần đầu tư phát triển cộng đồng Hưng Phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3170/STNMT-CCBVMT ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trường liên cấp Hưng Phát; Văn bản số 14/HP-ĐTMT ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển cộng đồng Hưng Phát về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1051/TTr-TNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trường liên cấp Hưng Phát của Công ty cổ phần đầu tư phát triển cộng đồng Hưng Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Công ty cổ phần đầu tư phát triển công đồng Hưng Phát;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- UBND thị trấn Cẩm Giang;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Trường liên cấp Hưng Phát tại thị trấn Cẩm Giang,
huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần đầu tư
phát triển cộng đồng Hưng Phát

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trường liên cấp Hưng Phát.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần đầu tư phát triển cộng đồng Hưng Phát.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Diện tích lập quy hoạch thực hiện dự án là 31.772 m², trong đó diện tích đất thực hiện dự án là 29.371 m² và diện tích đất hành lang giao thông là 2.401 m² thuộc thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Quy mô đầu tư của dự án: Trường liên cấp Hưng Phát bao gồm cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông nhằm đáp ứng nhu cầu về giáo dục cho lứa tuổi tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của nhân dân.

- Quy mô hoạt động của Trường liên cấp Hưng Phát: Đào tạo 1.520 học sinh, trong đó hệ tiểu học 350 học sinh; hệ trung học cơ sở 360 học sinh; hệ trung học phổ thông 810 học sinh.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

- Các hạng mục công trình chính: Nhà thường trực (17,3 m²); nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các bộ môn (778,5 m²); nhà lớp học 4 tầng 24 phòng (1.066,8 m²); nhà hiệu bộ và lớp học bộ môn (788 m²).

- Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà để xe học sinh (725 m²); bể bơi (842 m²); sân đá bóng, sân bóng chuyền, sân cầu lông (1.859,48 m²); nhà đa năng (900 m²); nhà công vụ (300 m²); nhà đặt máy bơm PCCC (12 m²); nhà ăn + bếp (135 m²); nhà để xe cán bộ (451 m²); hồ điều hòa + PCCC (450 m²); vườn thực nghiệm (630 m²); sân tập trung (3.300 m²); cây xanh (4.243 m²); sân đường nội bộ (12.392,22 m²); mương nước (481 m²).

- Các công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải riêng biệt, trạm xử lý nước thải xây ngầm công suất 60 m³/ngày đêm (67,5 m²).

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn sinh khối, bóc lớp đất phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa, hoàn trả kênh mương).

- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình. Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải.

- Hoạt động vận hành của dự án: Gồm hoạt động sinh hoạt, làm việc của cán bộ, giáo viên trong trường học; hoạt động sinh hoạt của học sinh và hoạt động của các phương tiện ra vào dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước 02 vụ khoảng 27.625 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

- Hoạt động hoàn trả kênh mương.

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động làm việc, sinh hoạt của cán bộ, giáo viên; hoạt động dạy học: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; bùn thải từ bể phốt và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe ra vào công trường trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng $5,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là đất, cát và dầu mỡ.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình trộn vữa, rửa dụng cụ, thiết bị trong quá trình thi công khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chính là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng trên tuyến thoát nước thi công tạm thời.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, giáo viên và học sinh trong trường khi đi vào hoạt động là $49,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Tính chất nước thải chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh bề bơi: $842,0 \text{ m}^3$. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng TSS. Tần suất vệ sinh: Sau khi kết thúc năm học.

3.1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

Hoạt động san nền, thi công, hoàn thiện các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC_s.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC_s.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thùng chứa rác thải: Thành phần khí thải phát sinh gồm: CH₄, H₂S, NH₃....

- Bụi, khí thải (mùi) từ hoạt động nấu ăn.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ khoảng: 0,61 tấn.

- Chất thải rắn từ hoạt động bóc tầng hữu cơ bề mặt đất trồng lúa khoảng $6.906,25 \text{ m}^3$.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng khoảng 184,24 - 3.685 tấn/giai đoạn. Thành phần gồm đầu mẩu sắt thép, tôn, gỗ vụn, gạch vỡ, đá, bê tông.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoàn thiện các hạng mục công trình gồm bao bì carton, nilon, thùng xốp... khoảng 100 kg.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 18 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thực phẩm, hộp nhựa, vỏ chai,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn trong quá trình hoạt động: Khối lượng phát sinh khoảng 3.851,3 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bao bì nhựa, nilon; giấy, bao bì giấy (bìa carton,...); giẻ lau, găng tay không dính nhiễm thành phần nguy hại; bùn thải các loại; mực in thải (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo); hộp mực in thải (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo), bàn ghế vỡ hỏng, cửa kính vỡ.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 375,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,...

3.2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

Chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình với khối lượng khoảng 164,2 kg/giai đoạn. Thành phần chủ yếu bao gồm dầu thải; găng tay, giẻ lau dính dầu, vải lọc dầu; bóng đèn led vỡ, hỏng; kim loại thải, ốc quy hỏng, xỉ hàn, vỏ hộp đựng sơn.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Trường học khoảng 1.085 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: bóng đèn huỳnh quang thải; thiết bị điện thải (đèn led...); bao bì mềm thải (bao bì chứa hóa xử lý chất thải); bao bì kim loại cứng thải (bao bì chứa hóa chất phục vụ hoạt động thí nghiệm, hóa chất xử lý chất thải); bao bì nhựa cứng thải (bao bì chứa hóa xử lý chất thải); chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại; pin, ốc quy thải; hóa chất thải bỏ từ phòng thí nghiệm, nước thải từ phòng thí nghiệm; chất thải y tế.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công (máy xúc, máy khoan...).

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

Dự án thu hồi diện tích đất trồng lúa 27.625 m². Hoạt động này ảnh hưởng đến người dân mất đất sản xuất, làm giảm diện tích đất canh tác và suy giảm tổng sản lượng lương thực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) *Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình*

- *Nước thải sinh hoạt*: Sử dụng 03 nhà vệ sinh lưu động, có từ 1-3 buồng, kích thước mỗi buồng 260 x 90 x 135 (cm), dung tích 1 m³/nhà. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới hút bể phốt của nhà vệ sinh lưu động mang đi xử lý theo quy định.

- *Nước thải thi công*:

+ Nước thải từ quá trình rửa xe, vệ sinh dụng cụ thi công: Xây dựng 02 hố lắng tạm thời (kích thước 1,5 m x 1,5 m x 1,0 m và 1,5 m x 1,0 m x 1,0 m) để thu gom nước thải, trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vải hút dầu để tách văng dầu trên bề mặt. Vải hút dầu (chất thải chứa dầu) được thay thế định kỳ 1 tuần/lần, được thu gom khu lưu giữ, xử lý như chất thải nguy hại. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được sử dụng để tưới ẩm đường giao thông, giảm thiểu bụi trên công trường thi công.

+ Quy trình: Nước thải rửa cốt liệu, nước vệ sinh dụng cụ thi công, nước rửa xe → Hố lắng có vải tách dầu → Tái sử dụng để tưới ẩm.

- *Nước mưa chảy tràn*: Bố trí đường thu gom nước mưa xung quanh công trường và hố ga lắng tạm thời, kích thước 1m x 1m x 1m tại công trường để thu gom và lắng đọng đất, cát trong nước mưa trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) *Giai đoạn vận hành*

- Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng 09 bể tự hoại có tổng thể tích 289,6 m³, nước thải từ nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ có thể tích 20 m³, sau đó nước thải được dẫn vào đường ống nhựa PVC D200, có tổng chiều dài 380 m, qua 04 hố ga lắng cặn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Trường học, độ dốc đường ống 0,2%, nước thải sau xử lý đạt mức A của QCVN 14:2008/BTNMT thoát ra mương phía Đông dự án sau đó qua hệ thống kênh mương nội đồng và ra kênh Bắc Hưng Hải.

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày đêm:

Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại, nước thải khu vực nhà bếp sau bể tách mỡ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương phía Đông dự án sau đó qua hệ thống kênh mương nội đồng và ra kênh Bắc Hưng Hải.

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả thải vào Mương phía Đông dự án thuộc thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, giá trị C_{max} tương ứng K=1,0.

4.1.2. *Đối với xử lý bụi, khí thải*

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng quy định.
- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.
- Lắp dựng hàng rào quây tôn cao 3 m xung quanh khu vực thi công để hạn chế bụi phát tán ra ngoài công trường.
- Che phủ bạt tại các bãi chứa nguyên vật liệu xây dựng nhằm giảm thiểu phát tán bụi đi xa.
- Bố trí thiết bị rửa xe khu vực cổng ra vào công trường để rửa sạch gầm, bánh xe trước khi ra khỏi công trường.
- Phun nước tưới đường vận chuyển để chống bụi tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng mật độ quy hoạch.
- Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ.
- Thường xuyên tổ chức quét dọn, vệ sinh sân đường nội bộ, cắt tỉa cây xanh xung quanh để tạo môi trường thông thoáng sạch đẹp.
- Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn rác, tránh tình trạng rác làm bít miệng cống và tác nghẽn đường ống.
- Thường xuyên nạo vét các hố ga.
- Đối với khí thải, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Lắp đặt thiết bị xử lý mùi bằng than hoạt tính công suất 3.000 m³/h, có quy trình xử lý như sau:
 - + Mùi và khí thải từ hệ thống xử lý nước thải → Ống nhựa DN D200 → Quạt hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải ra ngoài môi trường.
 - + Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng mức B, giá trị C_{max} với hệ số K_p = 1,0 và K_v = 0,8.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

- Đối với thực vật phát quang: Khuyến khích các hộ dân thu hoạch lúa, hoa màu trước khi tiến hành giao đất nhằm tránh lãng phí cũng như giảm thiểu khối lượng sinh khối cần loại bỏ.
- Đối với bùn hữu cơ: Lượng hữu cơ bề mặt được sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khu vực dự án và trồng dải cây xanh phía lưu không đường 196.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí các thùng rác dung tích 200 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển chất thải đi xử lý.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn là vỏ bao, sắt, thép thừa,... có thể tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị tái chế; chất thải là bê tông, gạch vỡ... được tận dụng để san lấp mặt bằng; chất thải không tận dụng được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn, hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí các thùng HDPE dung tích 50-120 lít/thùng tại các khối nhà và tuyến đường giao thông nội bộ để thu gom tạm thời, sau đó tập kết về khu vực chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 30 m² (trong khu vực nhà để xe của học sinh). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý, tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn trong quá trình hoạt động: Bố trí các thùng HDPE dung tích 120-200 lít/thùng để thu gom tạm thời, sau đó tập kết về khu vực chứa chất thải thông thường có diện tích 10 m² (trong khu vực nhà để xe của học sinh). Giấy, báo... được bán cho các đơn vị thu mua tái chế và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý đối với các chất thải còn lại, tần suất 1 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào khối lượng phát sinh.

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bỏ bùn cặn bể phốt, hố ga, bể tách mỡ (6 tháng/lần) và mang đi xử lý như chất thải rắn thông thường theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

Chất thải được thu gom vào các thùng nhựa dung tích từ 150-200 lít có nắp đậy đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Các thùng thu gom được dán tên, mã chất thải nguy hại và đặt tại khu vực kho chứa tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại khu vực cao ráo trong công trường, có bố trí biển báo rõ ràng theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Tuyên truyền phổ biến hướng dẫn giáo viên và học sinh phân loại chất thải tại nguồn. Trang bị các thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít và phuy chứa thể tích 01 m³. Bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m² (trong khu vực nhà để xe của học sinh). Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại có kỹ thuật cao để vận chuyển vật liệu và thi công công trình.

- Kiểm tra mức ồn của thiết bị, nếu mức ồn lớn hơn giới hạn cho phép thì lắp các thiết bị giảm âm.

- Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công được đăng kiểm đạt yêu cầu, không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không sử dụng đồng thời nhiều máy móc thiết bị có tiếng ồn lớn.

- Không thi công vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Tiếng ồn từ các phương tiện tham gia giao thông (xe ô tô, xe máy,...), hoạt động dạy học, vui chơi giải trí, sinh hoạt ngoại khóa của học sinh chủ yếu phát sinh vào ban ngày và xảy ra trong thời gian ngắn (chủ yếu là giờ giải lao). Tiếng ồn chủ yếu ảnh hưởng tại khu vực cổng ra vào và khu vực nhà xe, không ảnh hưởng nhiều đến các khu vực khác.

- Đối với tiếng ồn nơi đặt các thiết bị cơ điện (trạm bơm), bố trí khu vực riêng và đặt cách xa khu vực học tập, sử dụng máy móc đảm bảo tiêu chuẩn, định kỳ bảo dưỡng thiết bị.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

Tác động do chiếm dụng đất: Phối hợp với các đơn vị có liên quan cùng với chính quyền địa phương đưa ra phương án bồi thường, hỗ trợ cho người dân theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành: Không có.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho cán bộ vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra. Khi hệ thống xảy ra sự cố kéo dài phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 điểm tại khu vực cổng vào công trường; 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng, 01 điểm tại khu vực cuối hướng gió chính (giáp trường mầm non thị trấn Cẩm Giang).

- Các thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, bụi, CO, NO₂, SO₂

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát nước thải thi công

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

- Các thông số giám sát: pH, TSS, dầu mỡ khoáng, COD, BOD₅, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B, giá trị C_{max} với K_f = 1,2 và K_q = 0,9.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải, khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải, khí thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 và khoản 1, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực bãi thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện công tác đền bù thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án do sụt lún và các tuyến đường vận chuyển bị hư hỏng./.